

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG
(Kèm theo Giấy rút dự toán số 120 ngày 05 tháng 12 năm 2022)
Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG MẦM NON 8**
2. Mã đơn vị: **1049729**
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: 083002448270002 Ngân hàng Đông Á- PGD Lý Thường Kiệt

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp lương

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Lương và phụ cấp theo lương T12/2022	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thưởng	Trong đó:						Tiền khoản	Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng					Tiền phụ cấp và trợ cấp khác							
1	2	3		4	5	6	8	9						10	12
								Phụ cấp ưu đãi	Hỗ trợ chính sách mầm non 25%	Chế độ cho GV mầm non theo nghị quyết 04	Phụ cấp thêm giờ	Phụ cấp ban thanh tra nhân dân	Phụ cấp trách nhiệm kế toán, thủ quỹ		
				272.492.177	133.217.745	8.963.604	-	43.377.327	33.095.955	28.100.000	24.319.546	120.000	298.000	1.000.000	
I	Đối với công chức, viên chức:			263.528.573	133.217.745	-	-	43.377.327	33.095.955	28.100.000	24.319.546	120.000	298.000	1.000.000	
1	Ngô Thị Thủy Vân	0101386777	NH Đông Á	15.666.977	9.236.882			2.857.820	2.041.300		1.530.975				
2	Nguyễn Thụy Phương Lan	0105056475	NH Đông Á	13.811.047	8.134.655			2.607.500	1.862.500		1.206.392				
3	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	0105825255	NH Đông Á	9.841.049	5.511.295			1.924.335	1.374.525		1.030.894				
4	Đào Thị Thủy Linh	0102008111	NH Đông Á	18.250.529	10.070.624			2.961.077	2.096.505	1.550.000	1.572.323			Truy lĩnh PCVK tháng 11/2022	
5	Hoàng Thị Ngọc Loan	0101184555	NH Đông Á	15.568.275	8.301.348			2.597.070	1.855.050	1.550.000	1.264.807				
6	Vũ Thị Thanh Xuân	0102594198	NH Đông Á	15.119.490	7.937.290			2.503.200	1.788.000	1.550.000	1.341.000				
7	Trần Minh Thu	0102594200	NH Đông Á	14.633.433	7.627.239			2.424.975	1.732.125	1.550.000	1.299.094				
8	Phan Thị Kiểm Châu	0101980659	NH Đông Á	13.828.929	7.033.943			2.331.105	1.665.075	1.550.000	1.248.806				
9	Bùi Thị Minh Thu	0102593969	NH Đông Á	13.647.322	7.028.342			2.252.880	1.609.200	1.550.000	1.206.900				
10	Phạm Thị Bích Phương	0102593939	NH Đông Á	13.906.001	7.052.346			2.357.180	1.683.700	1.550.000	1.262.775				
11	Nguyễn Thị Như Ngọc	0102594225	NH Đông Á	12.510.387	6.278.621			2.080.785	1.486.275	1.550.000	1.114.706				
12	Nguyễn Thị Bích Ly	0108665150	NH Đông Á	10.456.540	4.929.201			1.736.595	1.240.425	1.550.000	930.319	70.000			
13	Xương Thị Mộng Tuyền	0109415389	NH Đông Á	4.807.339				1.736.595	1.240.425	900.000	930.319			Nghỉ bộ sản từ tháng 12/2022 đến 5/2023	
14	Nguyễn Thị Hồng Vân	0106648096	NH Đông Á	10.658.575	5.151.236			1.736.595	1.240.425	1.550.000	930.319	50.000			
15	Bùi Thị Kim Tuyền	0109335288	NH Đông Á	9.510.846	4.440.721			1.564.500	1.117.500	1.550.000	838.125				
16	Vương Thị Châu	0101930835	NH Đông Á	11.244.991	5.597.576			1.903.475	1.359.625	1.550.000	834.315				
17	Bùi Thị Minh Thủy	0107630026	NH Đông Á	9.402.081	4.646.755			1.580.145	1.128.675	1.200.000	846.506				
18	Nguyễn Trần Sơn Thủy	0101929085	NH Đông Á	8.236.471	3.844.891			1.418.480	1.013.200	1.200.000	759.900				
19	Trần Thị Chuyển	0104132575	NH Đông Á	9.630.861	4.525.535			1.580.145	1.128.675	1.550.000	846.506				
20	Giảng Thanh Loan	0102593844	NH Đông Á	8.312.741	5.147.503				1.437.850		1.078.388		149.000	500.000	
21	Mai Thị Thanh Hiệp	0102320072	NH Đông Á	6.714.266	2.747.113			1.074.290	767.350	1.550.000	575.513				
22	Dương Thị Liễu	0110956911	NH Đông Á	6.714.266	2.747.113			1.074.290	767.350	1.550.000	575.513				
23	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	0110966675	NH Đông Á	6.714.266	2.747.113			1.074.290	767.350	1.550.000	575.513				
24	Trịnh Lê Ngọc Hạnh	0109955038	NH Đông Á	4.341.891	2.480.403				692.850		519.638		149.000	500.000	
II	Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP)			8.963.604	-	8.963.604	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Nguyễn Kim Loan	0109334505	NH Đông Á	4.481.802		4.481.802									
2	Đỗ Minh Sơn	0108999333	NH Đông Á	4.481.802		4.481.802									
III	Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn một trăm bảy mươi bảy đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước: Tổng số tiền : 22.194.412 đồng

Lý do chênh lệch:

Tháng 11 lãnh tiền khen thưởng chiến sĩ thi đua, lao động tiên tiến, số tiền : 14.370.000 đồng

Tháng 11 truy lãnh lương , PCTNNG tháng 9+10/2022 tổng số tiền : 3.390.121 đồng

Tháng 11 lãnh tiền thêm giờ tháng 11/2022, số tiền chênh lệch so với tháng trước là 842.038 đồng

Tháng 12 truy lãnh PCVK , PCTNNG tháng 11/2022 ,cô Đào Thị Thủy Linh , số tiền : 177.363 đồng

Tháng 12 cô Xương Thị Mộng Tuyền nghỉ hệ sản từ tháng 12/2022-->5/2023 , số tiền : 5.453.692 đồng

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giang Thanh Loan

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giang Thanh Loan

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 05 tháng 12 năm 2022
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ngô Thị Thủy Vân

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng